TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 29/2020/HS-ST
Ngày 30/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Lầu

Bà Nguyễn Thùy Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Lưu Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST-QĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 đối với:

Bị cáo **Đàm Thanh T**, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nông Thanh C (Đã chết) và bà Đàm Thị D, sinh năm 1959; Vợ, con: Không có;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 (Một) tiền sự, ngày 05/6/2020 bị Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mức phạt 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng);

Nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng từ ngày 17/7/2020 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại:* Ông Lầu Sềnh K (Tên gọi khác: Đặng Dào Q), sinh ngày 03/10/1999; Nơi cư trú: Xóm N, xã K, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lục Hà P, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Ngô Văn Dầu, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Xóm N, xã C, huyện N, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Thào A Sùng, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do).

* *Người làm chứng:*

- Ông Đặng Tòn L, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Xóm B, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do).

- Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Xóm B, xã D, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do).

- Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Xóm B, xã D, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do).

- Ông Lò A D, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 05/7/2020 Đàm Thanh T đang chơi ở quán Bi-a thuộc tổ dân phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng thì gặp và làm quen với Lầu Sềnh K (tên gọi khác: Đặng Dào Q). Qua nói chuyện T rủ K về nhà mình chơi và hứa tìm việc làm cho K tại thị trấn B. Tại nhà T, T và K cùng ăn cơm, sau đó T điều khiển xe máy Yamaha Sirius màu xanh trắng, biển kiểm soát 11L1-04436 chở K đi quanh thị trấn B để tìm việc làm nhưng không ai nhận nên cả hai quay về nhà T. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày do không có xe máy đi mua ma túy để sử dụng nên T nói với K "ngồi ở nhà xem phim, chờ một tý, một lúc sẽ quay lại trả xe" (không nói cho K biết là đi mua ma túy). K đồng ý, rồi T lấy xe máy của K đi mua ma túy với một người đàn ông tên "Sâu" (không rõ họ tên, địa chỉ) không nhớ khối lượng và số tiền bao nhiêu tại thị trấn B để sử dụng. Khi mua ma túy xong T về nhà không thấy K nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy. T điều khiển xe máy đi gặp và trao đổi với Lục Hà P "em để biển số xe máy ở đây, anh cho em mượn 200.000 đồng" P đồng ý và đưa cho T số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Ngày 06/7/2020 T điều khiển xe máy của K đi đến nhà của Hoàng Văn L, trú tại xóm B, xã D, huyện B chơi và gửi xe tại đây. Đến sáng 07/7/2020 T đi xóm

P, xã D, huyện B thì gặp Hoàng Văn T1, trú tại xóm B, xã D, huyện B, qua nói chuyện T mượn T1 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và để lại xe máy của K cho T1 chở đồ.

Đến ngày 10/7/2020 T đi bộ ra chợ L, xã H, huyện B thì gặp và nhờ Lò A D trú tại xóm L, xã H, huyện B đi chợ tìm người cầm cố xe giúp T. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T và D gặp Thào A S, trú tại xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng và Ngô Văn D trú tại xóm N, xã C, huyện N, tỉnh Cao Bằng (em họ của S). Qua nói chuyện T nói với mọi người là "T có 01 xe máy do hết tiền nên cần cắm xe". Sau khi thỏa thuận, T cầm cố xe máy cho S và Ngô Văn D với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó T dẫn mọi người đi đến nhà của T1 để T trả tiền cho T1 và S cùng Ngô Văn D lấy xe về.

Ngày 11/7/2020 T đến nhà S lấy thêm số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Ngày 12/7/2020 T đến nhà S lấy thêm số tiền 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) và thống nhất bán xe của K cho S bằng tổng số tiền T lấy với S là 2.550.000đ (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 14/7/2020 Ngô Văn D mua lại xe máy trên với S với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), D điều khiển xe máy xuống cây xăng B, xã H, huyện B mua xăng thì gặp Đặng Tòn L, trú tại xóm B, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (chú của K). Tại đây, L nói với D đây là xe ăn trộm và đưa cho D xem giấy tờ đăng ký xe máy thì trùng khớp về số máy, số khung của xe. Sau đó D cùng S, L đến Công an xã H, huyện B trình bày sự việc.

Về phía ông Lầu Sềnh K, sau khi đợi T khoảng 15 phút không thấy T quay về thì K đi bộ đến cây xăng thuộc tổ dân phố 1, thị trấn B đợi nhưng không thấy T. Sau đó, K quay về nhà kể cho chú vợ của K là ông Đặng Tòn L là K bị người khác mượn xe máy nhưng không trả, sau đó K đưa giấy tờ xe cho L cầm giúp. Đến ngày 14/7/2020 ông K đến Công an huyện Bảo Lạc tố giác về hành vi của T.

Ngày 16/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng ra yêu cầu định giá tài sản số 11 gửi Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Tài sản định giá là 01 (Một) xe máy Yamaha Sirius màu trắng xanh, biển kiểm soát 11L1-04436. Theo Kết luận định giá tài sản số 10 ngày 16/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng kết luận: Giá trị còn lại của tài sản định giá là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Đàm Thanh T thừa nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra bị hại ông Lầu Sềnh K trình bày: Chiều ngày 05/7/2020, ông gặp T tại quán bi - a thuộc tổ dân phố 4, thị trấn B. Sau khi làm quen T rủ ông về nhà T ăn cơm và hứa hẹn giúp ông đi tìm việc làm trong khu vực thị trấn. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T bảo ông ở nhà chờ, T mượn xe máy biển kiểm soát 11L1-04436 của ông. Chờ T khoảng 15 phút không thấy quay lại, ông đến cây xăng thuộc tổ dân phố 1, thị trấn B chờ nhưng vẫn không thấy nên ông đi

về nhà. Ngày 14/7/2020 ông đến Cơ quan trình báo sự việc. Hiện nay ông đã nhận lại xe máy, ông yêu cầu xử lý T theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra ông Lục Hà P trình bày: Vào khoảng 19 giờ ngày 05/7/2020 T đến quán sửa xe máy của ông và nói với ông "Em để biển số xe máy ở đây, anh cho em mượn 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)", ông đồng ý và T tự tháo biển số xe 11L1-04436 để lại quán của ông. Sau đó T điều khiển xe máy đi theo hướng ra thành phố C, T đi đâu ông không biết. Ông không biết cái biển số xe và chiếc xe máy T đi là của ai. Hiện nay biển số xe máy ông đã nộp lại cho cơ quan Công an huyện Bảo Lạc, ông không yêu cầu T phải trả ông số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) T đã mượn ông.

Trong quá trình điều tra ông Ngô Văn D trình bày: Ngày 10/7/2020 ông đi chợ L tại xã H có gặp T, Lò A D và Sùng. A D nói có một chiếc xe muốn bán, sau đó ông cùng A D và T xuống xóm P xem xe, T đồng ý cắm xe với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), do trên người còn 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) nên ông gọi S mang đến 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Sau khi nhận xe ông điều khiển xe về nhà ông. Sau đó, ông hỏi ông S thì được biết T đã bán xe cho ông S, do cần phương tiện để chở thóc và đi lại nên ông đã hỏi mua lại xe máy này với ông S, ông S đồng ý bán cho ông với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Sáng 14/7/2020 ông mang tiền đến trả cho ông S và lấy xe máy về. Ông điều khiển xe máy đến cây xăng B, xã H thì gặp một người đàn ông nói là anh em của chủ xe máy này, nói là xe máy này bị mất trộm. Sau đó, ông cùng ông S và người này đến cơ quan trình báo. Ông yêu cầu ông S phải trả cho ông số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) vì ông đã mua lại xe máy này.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ông Lò A D trình bày: Ông gặp Đàm Thanh T tại chợ L, xã H và T nhờ ông giới thiệu xem ai có tiền cho T cắm xe máy. Tại chợ L ông và T gặp anh trai ông là Thào A S và ông có hỏi "Anh có tiền không, thằng T có một chiếc xe bảo cắm", nhưng anh trai ông không có tiền, tại đó gặp Ngô Văn D, ông có nói chuyện với D. Sau đó ông cùng Ngô Văn D và T đi xem xe máy. Sau khi xem xe xong ông quay lại chợ L, từ lúc xem xe của T ông chưa gặp lại T lần nào. Lúc T nhờ ông tìm người cầm cố xe máy thì T nói với ông đó là xe máy của T, ông không biết chiếc xe máy của T lấy từ đâu.

Tại cơ quan điều tra ông Thào A S trình bày: Khoảng 11 giờ ngày 10/7/2020, ở chợ L ông có gặp Lò A D và T cùng đi xe máy đến hỏi có mua xe máy cũ không, do không có giấy tờ gì và ông không có tiền nên ông không mua. Sau đó Ngô Văn D đi xem chiếc xe máy đó cùng Lò A D và T. Khoảng một tiếng sau D gọi điện thoại cho ông xuống xóm P và mang số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho D, D góp 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tổng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để nhận cầm cố xe máy của T. Ngày 11/7/2020 T lên nhà ông xin thêm 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), ngày 12/7/2020 T nói muốn bán xe và ông đưa thêm 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền ông mua xe với T là 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 14/7/2020 Công an huyện Bảo Lạc tạm giữ chiếc xe máy ông mua với T. Khi mua xe không làm giấy thỏa thuận. Ông yêu cầu T trả lại số tiền

ông mua xe máy với T là 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) và xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ông Đặng Tòn L trình bày: Khoảng đầu tháng 7/2020 Lầu Sềnh K là cháu rể của ông có nói với ông là bị người khác mượn xe máy, sau đó không trả. Đến giữa tháng 7 ông đi đường gần cây xăng B, xã H thì gặp một nam thanh niên đang sử dụng xe máy giống với xe máy của cháu rể ông, ông có gọi điện thoại báo cho K và cùng nam thanh niên này đến báo cho Công an xã để giải quyết.

Tại cơ quan điều tra ông Hoàng Văn L trình bày: Ông gặp T vào khoảng đầu tháng 7/2020 không nhớ ngày cụ thể, T ở nhà ông ngủ một đêm rồi sáng hôm sau T đi đâu làm gì ông không biết. Lúc đến nhà ông, T đi một chiếc xe máy YAMAHA Sirius màu xanh, không có biển kiểm soát. Vài ngày sau, ông gọi T quay lại để lấy xe máy, từ đó ông không gặp T lần nào nữa.

Tại cơ quan điều tra ông Hoàng Văn T trình bày: Khoảng đầu tháng 7/2020 tại P, xã D, huyện B ông gặp một nam thanh niên tự xưng là T, T có điều khiển một chiếc xe máy YAMAHA Sirius, ông không nhớ màu và không có biển kiểm soát. Qua nói chuyện T muốn mượn 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và để lại chiếc xe máy làm tin. Do cần phương tiện để chở thóc nên ông cho T mượn tiền và giữ chiếc xe. Sau khi sử dụng được một ngày T quay lại lấy xe và trả ông 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) bao gồm 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đã mượn và 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) để cảm ơn ông. Ông không biết chiếc xe do đâu mà có.

Đối với hành vi của ông Lò A D là người đi tìm người cầm cố xe cho T và đối với ông Lục Hà P, ông Hoàng Văn T, ông Thào A S, ông Ngô Văn D là những người nhận cầm cố biển số xe, cầm cố xe máy và mua xe máy của T. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định các đối tượng trên trong quá trình tìm người, giao dịch cầm cố và bán xe máy không biết về nguồn gốc chiếc xe máy trên là do T phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người đàn ông tên S là người bán ma túy cho T. Do không biết họ, năm sinh, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKSBL ngày 30/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Đàm Thanh T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đàm Thanh T theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự: Ông S yêu cầu bị cáo trả cho ông S số tiền 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) ông mua xe máy, đề nghị Hội đồng xét xử xém xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông P không yêu cầu bị cáo trả tiền nên không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Xe máy là vật chứng của vụ án trả lại cho bị hại, bị hại không có ý kiến và yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đàm Thanh T nhận thấy hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Đàm Thanh T thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Cụ thể: Khoảng 16 giờ ngày 05/7/2020 bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của bị hại cho bị cáo mượn xe máy để sử dụng; Sau khi có xe máy bị cáo đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi chiếm đoạt xe máy của bị hại, mang xe máy đi cầm cố để tiêu sài cá nhân. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội ở địa phương.

Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;"

Như vậy, hành vi của bị cáo Đàm Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Đàm Thanh T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân; Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Đàm Thanh T sinh sống tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo học lớp 10 thì bỏ học, bị cáo là người có sức khỏe lao động, được sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng không tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lười lao động lại sử dụng và lệ thuộc vào chất ma túy, không làm chủ được bản thân nên dẫn thân vào con đường phạm tội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xét cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Tình tiết tăng nặng: Không có.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ông S yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông S số tiền 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền đã mua xe máy với bị cáo. Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự yêu cầu của ông S là chính đáng và cần được chấp nhận.

Ông Nông Hà P không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của ông Ngô Văn D yêu cầu ông S trả lại số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), ông Ngô Văn S có thể khởi kiện ông Sùng trong vụ án dân sự khi có yêu cầu.

[5] Vật chứng của vụ án bao gồm: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Yamaha, màu trắng xanh, số máy 5C6G111992, số khung C6H0FY111976; 01 (một) biển kiểm soát 11L1-044.36 trong quá trình điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lầu Sềnh K (tên gọi khác: Đặng Dào Q). Ông Kinh đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì về vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Đàm Thanh T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản";

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đàm Thanh T 09 (chín) tháng tù, thời gian thụ hình được tính từ ngày 17/7/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Đàm Thanh T phải bồi thường cho ông Thào A S số tiền là 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Đàm Thanh T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại, vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện; Nhà tạm giữ;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND thị trấn B;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÔ THỊ THÙY NGÂN